TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Nhật Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Hưng;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Như T, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Ô, xã C, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: ấp 3, xã T, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp Ô, xã C, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Hồ Như T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Hồ Như T và anh Vũ Văn C kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương vào ngày 13-01-2014 theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 02/2014, Quyển số 01/2012. Năm 2015, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh C uống rượu, về nhà gây gỗ với vợ con. Vợ chồng không hòa thuận, không quan tâm chăm sóc nhau và sống ly thân từ tháng 01-2019 đến nay nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C.

- Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Hồ Đăng K, sinh ngày 01-10-2014. Hiện cháu K đang sinh sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Chị T có công việc, thu nhập ổn định và thời gian để chăm sóc con. Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Vũ Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh C thống nhất việc sống chung, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị T đã trình bày là đúng. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh C có uống rượu, vợ chồng cãi vả. Từ tháng 01-2019, chị T tự bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên anh C đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Cháu Vũ Hồ Đăng K hiện đang sống với chị T. Anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K do anh C có điều kiện kinh tế ổn định, thời gian để chăm lo cho con. Anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh C không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Chị T và anh C đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc và hiện nay đã ly thân. Hiện cháu K do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng

tốt nên có đủ căn cứ để đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Hồ Như T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn C .Bị đơn anh Vũ Văn C có nơi cư trú tại ấp Ô, xã C, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Như T và anh Vũ Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Bến Cát (nay là huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương vào ngày 13-01-2014 theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 02/2014, Quyển số 01/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc nhau. Từ tháng 01-2019, chị T và anh C sống ly thân cho đến nay và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc. Nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị T, anh C phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C. Tại phiên tòa, chị T và anh C đồng ý ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có một con chung là cháu Vũ Hồ Đăng K, sinh ngày 01-10-2014. Chị T và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Hiện nay, cháu K đang sống ổn định với chị T và đang sinh hoạt, học tập trong môi trường ổn định. Chị T có công việc, thu nhập ổn định và thời gian chăm sóc con. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu K còn nhỏ (năm tuổi) rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng là tự nguyện phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Như T đối với bị đơn anh Vũ Văn C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hồ Như T và anh Vũ Văn C.

- Về con chung: giao cháu Vũ Hồ Đăng K, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2014 cho chị Hồ Như T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh Vũ Văn C phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp anh C lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị T thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung đối với anh C.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Hồ Như T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0021053 ngày 30 tháng 5 năm 2019 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương ;
- VKSND huyện Bàu Bàng ;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự ;
- UBND xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (Giấy Chứng nhận kết hôn số 02/2014, Quyển số 01/2012 ngày 13-01-2014);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Nhật Thanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương ;
- VKSND huyện Bàu Bàng ;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự ;
- UBND xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Nhật Thanh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Phi Anh Toàn **Vũ Thị Hạnh**